TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 7 - 2020
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Thường Tín

Ông Lê Văn Nguyên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đông Hà, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1985;

Địa chỉ: số 0x, ngõ 7xx, đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên;

2. Bị đơn*:* Anh B Sunny V, sinh năm 1963;

Địa chỉ: 6x H RD L PA 19050, Hoa Kỳ (USA)

3. Người làm chứng: Bà Trần Thị T, sinh năm 1954;

Địa chỉ: số 0x, ngõ 7xx, đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên;

Tại phiên tòa: Chị Y có mặt; Anh V, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bầy: Chị và anh B Sunny V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Hưng Yên ngày 13 tháng 8 năm 2008 (sổ đăng ký kết hôn số 30, Quyển số 01) do hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được 04 ngày thì anh B Sunny V sang Mỹ sống còn chị sống tại Việt Nam. Năm 2009

khi anh B Sunny V về Việt Nam, vợ chồng cùng vào Đồng Nai thăm bố mẹ chồng được 1 tuần thì anh B Sunny V sang Mỹ, vợ chồng liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng không thường xuyên. Thời gian đầu hàng năm anh B Sunny V đều về Việt Nam nhưng khoảng 7, 8 năm nay anh không về Việt Nam, vợ chồng chỉ liên hệ qua điện thoại nhưng đều phát sinh to tiếng do đó chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian không cùng chung sống đã lâu và không thống được với nhau về lối sống nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B Sunny V.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị và anh B Sunny V không có con chung, thời gian kết hôn vợ chồng chưa tạo lập được tài sản chung, và cũng không có nghĩa vụ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh B Sunny V trình bày (văn bản có xác nhận của khối thịnh vượng chung Pennsylvania, Tô Ngọc L đã ký và đóng dấu ngày 24/02/2020): Anh và chị Nguyễn Thị Y đã tình nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 8 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn anh và chị Y chung sống với nhau được 7 đến 8 ngày, sau đó anh về Hoa Kỳ làm việc, trong lúc chung sống anh không có mâu thuẫn gì với chị Y. Vì anh và chị Y sống mỗi người một nơi cho nên tình cảm phai mờ và nhiều sự mâu thuẫn với nhau, vợ chồng không còn hợp nhau nữa. Vì vậy anh và chị Nguyễn Thị Y đồng thuận ly hôn với sự yêu cầu của chị Nguyễn Thị Y. Về con chung, tài sản chung: Anh và chị Y không có nên không đòi hỏi gì với nhau. Anh xin được vắng mặt tại phiên tòa vì anh ở Hoa Kỳ không thể về Việt Nam được.

Người làm chứng là bà Trần Thị T, mẹ chị Y trình bày: Bà sinh sống cùng con gái ở Hoa Kỳ, bà mới về nước, anh B Sunny V có gửi văn bản về việc chị Y ly hôn cho con gái bà là H Nguyễn ở Hoa Kỳ và bà đã trực tiếp mang văn bản của anh B Sunny V về Việt Nam cho chị Y nộp cho Tòa án và bà khẳng định đúng chữ viết, chữ ký của anh B Sunny V trong văn bản của anh B Sunny V. Bà xác định chị Y và anh B Sunny V kết hôn tự nguyện, sau đó một thời gian thì giữa anh chị có mâu thuẫn do chị Y ở Việt Nam, còn anh B Sunny V ở Hoa Kỳ, hai bên sống xa nhau, không đoàn tụ được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn anh B Sunny V.

Tại phiên tòa: Chị Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Bsunny V và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 chấp nhận đơn khởi kiện của chị Y, xử cho chị Y được ly hôn anh B Sunny V. Không giải quyết về con, tài sản, vay nợ cùng các vấn đề khác.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bầy của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tố tụng: Bị đơn anh B Sunny V đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

[3] Về yêu cầu khởi kiện ly hôn: Chị Nguyễn Thị Y và anh B Sunny V kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên ngày 13 tháng 8 năm 2008 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Lời khai của chị Y phù hợp với lời khai của anh B Sunny V và cung cấp của gia đình chị Y có đủ căn cứ xác định sau khi kết hôn anh chị chỉ chung sống với nhau ít ngày thì mỗi người sống một nơi, vợ chồng đã có thời gian dài không quan tâm chăm lo đến nhau nên đều xác định không thể chung sống được với nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do đó yêu cầu ly hôn của chị Yến là phù hợp với thực tế hôn nhân của vợ chồng nên được chấp nhận.

[4] Chị Nguyễn Thị Y và anh B Sunny V đều công nhận vợ chồng không có con chung, và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung cùng các vấn đế khác nên không đặt ra để xem xét.

[5] Án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Y.

Quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Y ly hôn anh B Sunny V (B Văn S).

Án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000410 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên; chị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hưng Yên;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quang Tú